

VỀ VẤN ĐỀ SỐ CON VÀ SỐ CON THỰC TẾ Ở GIA ĐÌNH NGƯỜI DAO XÃ TU LÝ, ĐÀ BẮC, HOÀ BÌNH

TRẦN VĂN HÀ

Theo kết quả nghiên cứu dân số học - tộc người và xã hội học - tộc người tại một số vùng thuộc miền núi miền Bắc⁽¹⁾, đến nay tình trạng sinh con thứ ba, thứ tư trở lên ở người Dao vẫn chiếm tỷ trọng cao so với người Tày, Thái, Mường hay người Việt trong cùng một địa phương, đặc biệt là đối với các cặp vợ chồng trẻ, tuổi dưới 30. Một câu hỏi được đặt ra là tại sao qua nhiều năm thực hiện chính sách dân số của Đảng và Nhà nước, quy định chung về số con - mỗi cặp vợ chồng chỉ đẻ hai con⁽²⁾, chưa trở thành định hướng giá trị mới trong hành vi tái sinh sản của các cặp vợ chồng trẻ người Dao?

Bài viết này, chúng tôi thử trả lời câu hỏi đó qua trường hợp người Dao xã Tu Lý thuộc huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình⁽³⁾, một địa phương cách Hà Nội 110 km về phía tây bắc, được nghiên cứu trong các năm 1991, 1993 và 1995.

1. Quan niệm truyền thống của người Dao về sinh con và số con trong gia đình

Trong quan niệm truyền thống về sinh con và mong muốn số con được sinh ra của người Dao Tu Lý luôn gắn liền với sự kế thừa, chuyển giao thế hệ (đối với gia đình, dòng họ), phát đạt về kinh tế. Ý nguyện đó dù rằng rất thực, nhưng vì hoàn cảnh lịch sử chi phối nên lắm khi phải nhờ cậy vào thần linh thông qua những sinh hoạt tôn giáo để thể hiện. Vì vậy, có thể nói rằng, trong quan niệm sinh con của người Dao ngoài tác động của các yếu tố như văn hoá truyền thống, tâm lý tộc người, kinh tế, trình độ học

(1) Các cuộc điều tra nghiên cứu về người Dao vào các năm 1991, 1993, 1994 ở tỉnh Hoà Bình và năm 1993 ở tỉnh Quảng Ninh của Viện Dân tộc học.

(2) Tháng 8 năm 1981 Hội đồng Bộ trưởng ra chỉ thị 29 HĐBT về việc đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, trong đó ghi rõ, mỗi cặp vợ chồng chỉ nên đẻ 2 con và đẻ cách nhau 5 năm. Trong những năm trước đó: năm 1960 đến năm 1974, Chính phủ đã có 4 văn bản quan trọng về công tác dân số; Từ năm 1975 đến nay, công tác kế hoạch hoá gia đình được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm với việc ban hành nhiều Chỉ thị, Nghị quyết và đã trở thành quốc sách.

(3) Người Dao ở Tu Lý gồm 2 nhóm Dao Tiên và Dao quân chẹt cư trú thành 4 xóm riêng biệt với người Mường, Kinh và người Tày trên tổng số 14 xóm, chiếm 15,21 % số hộ và 16,96 % dân số của xã Tu Lý. Họ thường được các dân tộc khác gọi với cái tên chung là Dao Tam Đảo.

vấn còn ít nhiều chịu sự chi phối của hệ thống tín ngưỡng. Song, ở đây dưới góc độ xã hội học - tộc người, chúng tôi chỉ quan tâm đến các giá trị văn hoá cổ truyền của tộc người Dao và ảnh hưởng của nó về một trong những khía cạnh dân số mà thôi.

Giống như các xã hội phụ quyền khác, xã hội người Dao trong quan niệm truyền thống mang tính khuôn mẫu, về một gia đình "đa tử, đa tôn" luôn được đề cao. Vì lắm con nhiều, cháu là tiền đề cho sự giàu có của một gia đình - "đa tử, đa tôn, đa phú quý". Đồng thời, không những mong có nhiều con mà người Dao còn muốn mình có nhiều con trai. Quan niệm này gắn liền với việc kế thừa (không chỉ về tài sản) và chuyển giao thế hệ trong gia đình và họ tộc nên người con trai trong gia đình gia trưởng người Dao bao giờ cũng được coi trọng hơn người con gái. Kể cả nhóm Dao Tiên và Dao Quần Chẹt Tu Lý đều cho rằng, đối với con trai trưởng của gia đình (đặc biệt gia đình nào thuộc tộc trưởng của các dòng họ) nhất thiết phải có con trai. Bởi vậy, việc dựng vợ cho các con trai trưởng phải làm sao chọn được một người con dâu có thể sinh cho gia đình, dòng họ được nhiều con và thật nhiều con trai, thông qua việc xem mệnh tuổi (tất nhiên của cả đôi trai gái). Nếu không, gia đình đó sẽ không có sự kế thừa và chuyển giao thế hệ về mặt huyết thống.

Cũng cần nói thêm rằng, việc tìm con nuôi ở những gia đình người Dao Tu Lý nói riêng và tộc người Dao nói chung

còn gắn liền với quan niệm về nguyện vọng được nuôi đông con và có con nuôi ở gia đình. Con nuôi mà người Dao coi "tốt nhất" là con cái anh em trong họ hàng dòng tộc, hay cùng dân tộc và sau đó là người dân tộc khác. Tuy nhiên, khi đã trở thành con nuôi trong gia đình, tiêu chuẩn này không được coi là chuẩn mực phân biệt đối xử, mà ngược lại, đã là con nuôi không kể nguồn gốc nào đều được đối xử và hưởng quyền tài sản, trách nhiệm với gia đình hay đối với gia tộc như con đẻ. Có một điều đáng lưu ý là việc nuôi con nuôi ở người Dao, không chỉ xảy ra trong trường hợp hiếm con, không có con hay chỉ sinh con một bề (toàn con gái), mà có trường hợp những gia đình tuy đã có con trai vẫn nuôi con nuôi. Tài liệu điều tra xã hội học - tộc người năm 1993 ở người Dao Tu Lý cho thấy rằng: Xóm Mít 6 hộ, xóm Mạ 5 hộ, Sèo 6 hộ và Hương Lý 3 hộ có nuôi con nuôi là con trai (trong đó số hộ không có con cái là 3, hộ có con gái là 4 còn lại là đều có con trai - rơi vào các cặp vợ chồng là chủ hộ tuổi đời trên dưới 50). Xét về mặt tỉ trọng qua số liệu trên thì mối tương quan giữa số hộ nuôi con nuôi và tổng số hộ tại các xóm không có ý nghĩa về mặt thống kê. Song, nếu nhìn nhận tình trạng này xuất hiện như một hiện tượng xã hội trong văn hoá của cộng đồng Dao thì nó lại có ý nghĩa cần được lưu tâm phân tích. Bởi, trên thực tế việc nuôi con nuôi không chỉ riêng có ở Tu Lý mà còn tồn tại ở các nhóm Dao Quảng Ninh, Bắc Thái, Ba Bể, Tuyên Quang. Và để có con nuôi, người ta

không đơn thuần là xin mà chủ yếu là mua con nuôi. Cuối cùng, nguyên nhân của hiện tượng xã hội đó được bắt nguồn từ đâu? Và vì sao nó lại được đề cao ở người Dao mà không được đề cao ở các dân tộc khác ở miền núi phía Bắc trong một điều kiện tăng trưởng dân số tương tự. Vấn đề này chúng tôi sẽ có dịp trình bày ở một bài báo khác.

Theo tài liệu điều tra điều tra về người Dao năm 1993 cho thấy nguyện vọng sinh nhiều con và nhiều con trai đối với các cặp vợ chồng trẻ vẫn chiếm một

tỷ trọng cao. Số người được hỏi cho biết muốn sinh từ 3 con trở lên chiếm 55,88 %. Số bà mẹ người Dao tuổi trên dưới 50 đều có số lần sinh là 7 trở lên chiếm tới 32,4 %, trong khi đó với cùng độ tuổi và số lần sinh thì ở các bà mẹ dân tộc khác chỉ chiếm tỉ trọng dưới 20% (xem biểu số 2). Rõ ràng, các giá trị của văn hoá gia đình truyền thống ở người Dao còn chi phối rất nhiều đến lớp trẻ, nhất là trong những gia đình có từ 3 đến 4 thế hệ cùng chung sống về việc sinh đẻ nhiều con (sẽ đề cập ở phần dưới).

Biểu số 2: Số lần sinh của người mẹ các dân tộc ở Tu Lý

Đơn vị tính: %

Số lần sinh	Tỷ số chung	Dao	Kinh	Tày	Mường
1 - 2 lần	24,1	32,3	14,3	26,9	23,0
3 - 4 lần	37,9	20,5	33,3	38,5	43,4
5 - 6 lần	20,7	14,7	38,1	15,4	20,5
7 lần trở lên	17,3	32,4	14,3	19,5	13,1

Khi nói đến quan niệm về sinh con và mong muốn có nhiều con của người Dao Tu Lý thì không thể không nói đến hệ thống tín ngưỡng có liên quan. Đó là sự thể hiện bản sắc văn hoá thông qua mối liên hệ giữa việc chuyển giao thế hệ và sinh hoạt văn hoá đời thường của cộng đồng. Có nhiều tập tục khác nhau có liên quan, song, chủ yếu là 2 trong số 3 việc lớn nhất của vòng đời người Dao được chúng tôi nêu ra ở đây là: chu trình lễ nghi cưới xin và dọn đến nhà mới.

Thứ nhất: Trong việc dựng vợ gả chồng cho con. Kể cả nhóm Dao Tiên và Quần Chẹt đều rất chú ý đến làm lễ

hồng cho cặp vợ chồng mới. Khi tiến hành lễ, bên cạnh bàn thờ tổ tiên một hồng đường mới được dựng lên. Thầy cúng bên cạnh việc lễ trình báo gia tiên, mong gia tiên nhận người mới cho gia đình và công nhận họ là vợ chồng trăm năm, đồng thời cầu mong phù hộ cho sinh được con đông đúc, và thật nhiều con trai để phát triển giống nòi và giữ được tập quán dân tộc.

Thứ hai: Lễ quan trọng trong làm nhà là việc dọn sang nhà mới. Ngoài việc chọn ngày, giờ, tốt người chủ nhà phải chọn một bà cụ thượng thọ trong xóm *phúc hậu, đông con, lắm cháu...* cầm bó đuốc tượng trưng dẫn đường. Chủ gia và

mọi người trong nhà đi theo và mang các vật lễ: cây mía, cây chuối con, một nắm thóc bông, đôi bắp ngô, và một ống nước. Qua đó chúng tỏ sự mong muốn của gia chủ trước các bậc thần linh là rồi đây các thế hệ trong gia đình sẽ được phát triển lên, nối tiếp nhau với nhiều đốt như cây mía kia, đông đúc như khóm chuối này và của cải dồi dào như nước vậy.

2. Số con thực tế trong gia đình qua các cuộc điều tra

Chúng ta hãy bắt đầu từ những số liệu có được về kết cấu gia đình và qui mô gia đình người Dao ở Tu Lý.

Về kết cấu gia đình hiện nay của người Dao chủ yếu là loại gia đình gồm: vợ chồng + các con (kể cả con nuôi) +

anh chị em (58,82 %) (Nếu so với chung toàn xã loại gia đình này chỉ chiếm 55,67 %). Trong khi đó loại gia đình gồm vợ chồng + các con là 38,24 % và loại gia đình gồm: Bố mẹ + vợ chồng + các con, chỉ chiếm 2,94 %.

Về qui mô gia đình: Con số bình quân toàn xã (số liệu năm 1994) là 4,8 người/hộ, nhưng qui mô gia đình người Dao là 5,35 người / hộ. Đây là qui mô gia đình lớn nhất so với các dân tộc khác trong xã như Mường (4,76 người / hộ), Tày (4,83 người/hộ), Việt (4,43 người / hộ). Nhưng nếu so sánh giữa các nhóm Dao với nhau hay giữa người Dao với các dân tộc khác (trong cùng một địa phương) về qui mô gia đình có sự khác nhau đáng kể (Biểu 3).

Biểu số 3: So sánh qui mô gia đình của người Dao và các dân tộc ở Hoà Bình, Bắc Thái và Quảng Ninh

Đơn vị tính: người/hộ

Nhóm dân tộc	Địa phương	Qui mô gia đình
Dao Tiên	Tu Lý, Hoà Bình	5,16
Dao Quân Chệt	Tu Lý, Hoà Bình	5,97
Dao Thanh Phán	Tân Dân, Quảng Ninh	5,63
Dao Tiên	Vi Hương, Bắc Thái	5,21
Mường	Tu Lý, Hoà Bình	4,76
Tày	Tu Lý, Hoà Bình	4,83
Việt	Tu Lý, Hoà Bình	4,55

Nếu so sánh với số liệu điều tra cụ thể tại Tu Lý trong 3 năm(1991, 1993 và 1995) với số liệu thống kê tính theo cách tính bình quân trên đây, cho thấy không

có sự chênh lệch lớn giữa qui mô gia đình các nhóm Dao cũng như đối với các dân tộc khác (xem biểu số 4).

Biểu số 4 : Qui mô gia đình người Dao so với các dân tộc khác ở Tu Lý và người Dao Thanh Phán Quảng Ninh năm 1993.

Đơn vị tính: %

Người/hộ	2 - 4	5 - 7	8- 10
Dao Tu Lý	11,76	61,76	26,47
Dao Tân Dân	27,04	46,43	24,49
Mường Tu Lý	27,87	63,11	8,20
Tày Tu Lý	23,08	61,54	11,54

Chỉ số về loại gia đình có từ 8 - 10 người ở người Dao Tu Lý (biểu số 4) cho thấy, so với người Dao Thanh Phán Quảng Ninh tuy không có sự chênh lệch lớn (xấp xỉ 2%), nhưng lại có số đo gấp 3 lần ở người Mường và 2 lần người Tày trong cùng một địa phương. Một điểm đáng lưu ý khác nữa, trong kết cấu và qui mô gia đình người Dao kể cả Tu Lý hay Tân Dân đó là tỷ lệ hôn nhân hỗn hợp dân tộc thấp. Người Dao hầu như rất ít có quan hệ hôn nhân với các dân tộc khác, thậm chí giữa các nhóm Dao với nhau trong cùng một địa phương; chẳng hạn như: giữa người Dao Tiên và Quân Chệt ở Tu Lý⁽⁴⁾. Tình trạng này cũng diễn ra tương tự của 2 nhóm Dao Thanh Phán và Thanh Y ở Quảng Ninh. Như vậy, hôn nhân trong cùng một nhóm Dao

hay cùng ngành Dao là phổ biến ở người Dao.

Qua việc xem xét trên đây, chúng ta thấy điều gì nổi bật hơn cả về người Dao ở Tu Lý? Thứ nhất, hình thức gia đình gia trưởng là chiếm ưu thế. Thứ hai là, qua số lần sinh của các bà mẹ Dao và qui mô gia đình giúp ta có cơ sở thực tế đi sâu tìm hiểu về số con hiện thời trong gia đình, nhất là đối với các cặp vợ chồng trẻ. Tuy nhiên, bên cạnh đó các yếu tố khác như về tỷ suất sinh thô và tuổi tác của nhóm trẻ được sinh ra trong khoảng đầu thập kỷ 80 trở lại đây cũng góp phần làm rõ thêm sự đẻ dày và đẻ nhiều ở các bà mẹ Dao thuộc độ tuổi trên dưới 30.

Về tỷ suất sinh thô ở Tu Lý (số liệu năm 1994 và 1995) là 29 phần nghìn, trong đó người Dao là 31 phần nghìn⁽⁵⁾. Tỷ suất sinh này chỉ rơi vào các bà mẹ đang ở độ tuổi sinh đẻ, có năm sinh vào quãng thời gian từ năm 1960 đến những năm 1970. Trong khi đó, tỷ suất chết thô ở người Dao là 9,4 phần nghìn mà chủ yếu là chết bệnh ở người già. Điều này cho thấy tỉ lệ tăng dân số tự nhiên hiện nay ở người Dao là cao so với các tộc khác. Đồng thời, về chỉ số tuổi tác, thấp tuổi của cư dân Dao cho thấy phình to ở đáy, chủ yếu là độ tuổi từ 0 - 14 chiếm tỉ lệ lớn ở nam giới. Khi so sánh với các tộc khác trong xã (ở cả nam và nữ) lại thấy, độ tuổi từ 0 - 14 ở người Dao chỉ chiếm 32,1%, trong khi đó ở người Mường là 33,8%; Tày 34,3% và người Việt là

(4). Xem Khổng Diên, *Dân cư, dân số và lao động ở một xã miền núi tỉnh Hoà Bình*. DTH, số 2- 1996, tr. 3 - 17.

(5). Khổng Diên - Tài liệu đã dẫn.

34,3%. Điều này chứng tỏ tỷ suất sinh ở người Dao là thấp.

Từ thực trạng trên chúng ta có đủ cơ sở cho rằng số con ở mức cao như hiện thời trong gia đình người Dao là hoàn toàn thực tế. Hãy xem số liệu dưới đây:

- Số bà mẹ Dao ngoài 40 tuổi vẫn còn sinh đẻ chiếm 8,24 %.

- Số con trung bình của các bà mẹ Dao khi hết tuổi sinh đẻ là 7,21%⁽⁶⁾.

- Số cặp vợ chồng trên dưới 30 tuổi có từ 3 - 4 con chiếm 11,84 %.

- Tuổi của các bà mẹ khi sinh con đầu lòng: dưới 18 tuổi 14,71% (trong khi đó Mường 4,1 %; Việt 4,76 %; Tày 3,85 %); từ 18 - 20 tuổi 41,18% (Mường 31,15 %; Việt 38,1%; Tày 53,85%).

Bên cạnh đó nguyện vọng về khoảng cách giữa các lần sinh lại mong có sự rút ngắn lại: 1 năm là 58, 83% ; 2 năm là 17,65% và tính chung lại: từ 1- 2 năm là 76,48 %. Điều này cho thấy, chuẩn mực số con hiện nay là quá cao ở gia đình người Dao Tu Lý nếu có sự so sánh với các tộc khác trong xã hay với người Dao Thanh Phán Quảng Ninh trong cùng thời điểm điều tra.

3. Một vài nhận xét và những vấn đề đang đặt ra

- Từ quan niệm sinh con đến số con thực tế ở gia đình người Dao Tu Lý cho thấy mối liên hệ hiện hữu giữa hệ thống chuẩn mực văn hoá cổ truyền với

sự tồn tại và phát triển về mặt dân số cộng đồng.

- Giống như các chuẩn mực khác trong hệ thống văn hoá của cộng đồng Dao, quan niệm về sinh con và số con trong gia đình là một chuẩn mực văn hoá cổ truyền mang tính ổn định. Nó được trao truyền giữa các thế hệ người Dao thông qua thiết chế gia đình gia trưởng chặt chẽ và tạo nên sức ì rất lớn. Trong khi đó những kiến thức mới về dân số lại xuất hiện hiếm hoi, mờ nhạt không đủ điều kiện cho sự hình thành rõ rệt một định hướng giá trị mới trong gia đình đặc biệt là đối với lớp trẻ người Dao.

Cần lưu ý rằng, việc thay đổi nhận thức để rút ngắn khoảng cách giữa mục tiêu - giá trị mới, và chuẩn mực truyền thống về số con ở cộng đồng tộc người Dao chỉ có thể rút ngắn thời gian cần thiết chứ không thể đột ngột thay đổi quan niệm cổ truyền của họ. Có như vậy, mới biến cái không thể thành cái có thể.

- Trên phạm vi và nước hay ở người Dao nói riêng, vấn đề kế hoạch hoá gia đình được coi như một vấn đề trọng tâm của chính sách dân số. Sự thành bại của biện pháp này lại căn cứ vào mức độ chấp nhận của các cá nhân và từng cộng đồng tộc người. Vì vậy, trong tình hình hiện nay khi định hướng giá trị mới ở người Dao chưa được hình thành rõ rệt (nên đang cần có sự hoàn thiện), sự kiểm soát mức sinh là rất khó thực hiện, thì chúng tôi đồng ý với ý kiến cho rằng: truyền thông dân số chính là khu vực sẽ đem lại kết quả trước mắt cho

(Xem tiếp trang 40)

(⁶). Số liệu do trưởng trạm Y tế xã Tu Lý cung cấp năm 1995.